

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐÒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2022/HS-ST

Ngày 23 - 8 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐÒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vĩnh Quý và ông Hoàng Thanh
Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân
thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham
gia phiên tòa:** Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng
Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2022/TLST-
HS ngày 03 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
37/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2000, tại thị xã B, tỉnh Quảng
Bình; nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động
tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công
giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị L,
sinh năm 1973; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện
pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19/3/2022 đến ngày 28/6/2022
ra Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và ra Quyết định truy nã. Ngày
30/6/2022, bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã, bị tạm giữ đến ngày 03/7/2022 thì
chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: chị Hoàng Thị L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn B, xã Q, thị xã
B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chị Trần Thị Bích T, sinh năm
1993; nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Những người làm chứng:

+ Chị Trương Thị Thúy H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 02/01/2022, Nguyễn Văn Q đi bộ từ nhà mình đến nhà chú của Q ở thôn C, xã Q, thị xã B chơi. Khi đi ngang qua khu vực đồng ruộng thuộc thôn V, xã Q, thị xã B, Q nhìn thấy có 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu Việt Tiệp, sơn màu xanh - đen của chị Hoàng Thị L đang dựng ở bên đường, xung quanh không có nhà dân, phía dưới ruộng có chị Hoàng Thị L, chị Nguyễn Thị Đ và chị Trương Thị Thúy H đang hái rau cách vị trí xe đạp đang dựng khoảng 150m. Q nghĩ chiếc xe đạp trên là của một trong những người phụ nữ đó, do khoảng cách xa nên Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe đạp. Q đi đến vị trí dựng chiếc xe đạp và đẩy xe đi được một đoạn thì chị Đ phát hiện và hét lên “Hắn lấy xe” rồi mọi người đuổi theo. Thấy vậy, Q lên xe đạp rồi điều khiển xe bỏ chạy. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Q đưa chiếc xe đạp bán cho chị Trần Thị Bích T với giá 200.000 đồng. Số tiền bán được Q đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL- HĐĐG ngày 17/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B xác định thiệt hại tài sản của chị Hoàng Thị L tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 2.050.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu Việt Tiệp, sơn màu xanh - đen từ chị Trần Thị Bích T và trả lại cho chị Hoàng Thị L

Về dân sự: Quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản của mình và không yêu cầu Nguyễn Văn Q bồi thường thiệt hại, cam đoan không có khiếu nại, khiếu kiện gì. Chị Trần Thị Bích T yêu cầu Nguyễn Văn Q hoàn trả lại số tiền 200.000 đồng mà chị T đã bỏ ra mua xe đạp từ Q, Q đã hoàn trả đầy đủ số tiền trên cho chị T, chị T cam đoan không có khiếu nại, khiếu kiện gì.

Ngoài hành vi phạm tội trên, quá trình điều tra Nguyễn Văn Q khai nhận đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã Q, thị xã B. Tuy nhiên hành vi

trộm cắp tài sản thực hiện không liên tục, kế tiếp nhau về thời gian, trị giá mỗi lần trộm cắp đều dưới 2.000.000 đồng nên không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã chuyển toàn bộ hồ sơ cho Công an thị xã B xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án có chị Trần Thị Bích T, là người đã mua xe đạp do Q chiếm đoạt. Tuy nhiên, chị T không bàn bạc gì trước với Q và cũng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, hành vi của chị T không đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT công an thị xã B nhắc nhở, răn đe là phù hợp.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT - VKSBD ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”; áp dụng các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 06 đến 08 tháng tù; áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Tại phiên Tòa bị cáo nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, không tham gia tranh luận thêm.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có điều kiện trở về giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố đối với bị cáo. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định: Vào trưa ngày 02/01/2022, bị cáo đã lợi dụng lúc bị hại hái rau ở khoảng cách xa và không có khả năng ngăn cản việc chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã công nhiên chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu Việt Tiệp, sơn màu xanh - đen đang có trị giá 2.050.000 đồng, rồi đưa đi bán với giá 200.000 đồng nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương làm ảnh hưởng đến công tác điều tra. Vì vậy, cần áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để quyết định một mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ tiền cho chị T nhằm khắc phục hậu quả đã gây ra, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy: Bị cáo tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng trong quá trình điều tra bị cáo đã không chấp hành biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, bỏ trốn đi khỏi địa phương gây khó khăn, kéo dài việc điều tra giải quyết vụ án. Ngoài ra trước đó, bị cáo đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã Q nhưng không đủ yếu tố để cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều đó cho thấy, bị cáo là người thiếu ý thức chấp hành, xem thường pháp luật, vì vậy cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một gian nhất định để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện mình trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu Việt Tiệp, sơn màu xanh - đen từ chị Trần Thị Bích T và trả lại cho chị Hoàng Thị L. Chị L đã nhận lại xe và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản của mình và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, cam đoan không có khiếu nại, khiếu kiện gì. Chị Trần Thị Bích T yêu cầu Nguyễn Văn Q hoàn trả lại số tiền 200.000 đồng mà chị T đã bỏ ra mua xe đạp từ Q, Q đã hoàn trả đầy đủ số tiền trên cho chị T, chị T cam đoan không có khiếu nại, khiếu kiện gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 172; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 và khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 30/6/2022).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn Q 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo Quyết định tạm giam bị cáo tại phiên toà để đảm bảo công tác thi hành án

3. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong

5. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

6. Về án phí: Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/8/2022 (Đối với những người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật (Đối với những người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA;
- THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tướng Thị Hà